

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/DS-ST

Ngày 13/9/2024

Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Danh Hưởng;

2/. Ông Trần Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2024/TLST-DS ngày 17/6/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 375/2024/QĐST-DS ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

1./ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2./ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phương T1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3./ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1/. Ông Trương Thanh N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.2/. Chị Trương Nguyễn Ngọc C, sinh năm 2003.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bà T, anh T1, ông N và chị C có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 08/02/2017 âm lịch anh Nguyễn Phương T1 có mượn của bà số 10.000.000 đồng, không có làm giấy tờ. Đến

ngày 23/4/2017 âm lịch anh T1 tiếp tục mượn của bà số tiền 5.000.000 đồng, khi đó bà đưa tiền cho anh T1 nhưng con bà tên Trương Nguyễn Ngọc C viết giấy mượn tiền cho lần mượn tiền trước và lần mượn này có nội dung: “T1, ..8/2/2017: 10.000.000 (Mười triệu).... Người dùm “con bà C ký tên” bà ghi họ tên Nguyễn Thị T, người hỏi “Anh T1 ký tên”, không ghi họ và tên. Ngày 29/6/2017 âm lịch anh T1 tiếp tục mượn của bà số tiền 5.000.000 đồng, có ghi vào tờ giấy có nội dung “ngày 29-6 có lấy của 8 thêm 5.000 (năm triệu), còn ai ghi dòng chữ này trong tờ giấy của bà đang giữ thì bà không nhớ. Ngày 27/10/2017 âm lịch anh T1 tiếp tục mượn của bà số tiền 5.000.000 đồng, có ghi vào tờ giấy có nội dung “nay 27/10/2017 con T1 có mượn của 8 ten 5.000.000, chữ viết này do anh T1 viết, không có ký tên. Sau đó bà có đòi anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 chưa trả cho bà tiền gốc, tiền lãi nào. Nay cá nhân bà yêu cầu cá nhân anh Nguyễn Phương T1 trả tổng số tiền mượn là 25.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu tính tiền lãi bằng tiền lãi vay bằng lãi vay ngân hàng, nay bà xin rút lại yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Nguyễn Phương T1 có lời khai trình bày: Từ trước đến nay cá nhân anh có vay của bà Nguyễn Thị T nhiều lần, vào ngày tháng năm nào anh không nhớ nhưng cách nay khoảng 7-8 năm, bằng tổng số tiền 25.000.000 đồng tiền nợ gốc, lãi suất thoả thuận khi vay là 10%/ 1 tháng, việc vay tiền bà T có làm giấy tờ, anh có ký tên vào, anh đã trả tiền lãi cho bà T được khoản 01 năm thì bà T nói với anh là không trả lãi nữa nên khi anh đi làm thỉnh thoảng có trả cho bà T nhiều lần, mỗi lần có thể trên số tiền 1.000.000 đồng, 500.000 đồng, 700.000 đồng, có khi đưa trực tiếp cho bà T, có khi ra đại lý chuyển tiền cho con bà T tên Ngọc C, lần gần nhất anh trả cho bà T số tiền 500.000 đồng cách nay khoảng 7-8 tháng, còn ngày tháng thì anh không nhớ, từ đó đến nay anh không có trả cho bà T nữa. Khi anh trả tiền cho bà T thì không có làm giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến, anh chuyển tiền cho con bà T cũng không có giấy tờ gì do anh nhờ người khác chuyển nhưng đã quá lâu. Nay anh đồng ý trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng nhưng cho anh xin trả từ từ hàng tháng do điều kiện kinh tế của anh gặp nhiều khó khăn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh N có lời khai trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị T trước đây là vợ chồng, đến năm 2022 thì ông với bà T ly hôn, nhưng về tài sản chung thì chưa phân chia. Đối với việc bà Nguyễn Thị T cho anh Nguyễn Phương T1 mượn tổng số tiền 25.000.000 đồng, các lần mượn tiền đều diễn ra trong thời kỳ hôn nhân giữa ông với bà T còn tồn tại. Trong vụ án này ông N không có yêu cầu gì, số tiền bà T khởi kiện đòi anh T1 tổng số tiền 25.000.000 đồng, ông thống nhất cho bà T kiện và hưởng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Ngọc C có lời khai trình bày: vào ngày 08/02/2017 âm lịch anh T1 có mượn của mẹ chị bà T số 10.000.000 đồng, không có làm giấy tờ. Đến ngày 23/4/2017 âm lịch anh T1 tiếp tục mượn của mẹ chị số tiền 5.000.000 đồng, khi đó mẹ chị đưa tiền cho anh T1 nhưng chị viết giấy mượn tiền cho lần mượn tiền trước và lần mượn này có nội dung: “T1, ..8/2/2017: 10.000.000 (Mười triệu).... Người dùm “chị ký tên”, mẹ chị ghi họ tên Nguyễn Thị T, người hỏi tôi viết “Anh T1 ký tên”, không ghi họ và tên. Trong vụ kiện này chị không có yêu cầu gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với anh T1 về việc yêu cầu anh T1 trả tiền vay số tiền còn thiếu lại là 25.000.000 đồng, Buộc anh T1 có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay còn thiếu là 25.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với anh T1 về việc yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 18.000.000 đồng. Án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà T đòi anh T1 trả tổng số tiền 18.000.000 đồng nên Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp đòi tài sản, quá trình giải quyết thì khoản tiền bà T đòi anh T1 xuất phát từ quan hệ vay tài sản nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, anh T1 có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã P, huyện P. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Bà T, anh T1, chị C và ông N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy việc xét xử vắng mặt bà T, anh T1, chị C và ông N là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại đơn khởi kiện cá nhân bà Nguyễn Thị T yêu cầu cá nhân anh Nguyễn Phương T1 trả số tiền 25.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi bằng tiền lãi vay bằng lãi vay ngân hàng. Ngày 17/7/2024 bà T có lời khai xin rút lại yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc bà T rút lại yêu cầu tính lãi đối với anh Nguyễn Phương T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, vì vậy căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên bố đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính tiền lãi của bà Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Phương T1.

[2.2] Hiện tại bà Nguyễn Thị T yêu cầu cá nhân anh Nguyễn Phương T1 trả tổng số tiền 25.000.000 đồng. Về phía anh Nguyễn Phương T1 đồng ý trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế của anh gặp nhiều khó khăn nên cho anh xin trả thành nhiều lần. Xét thấy, sự thừa nhận của bà T, anh T1 là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với ông Trương Văn N1 trình bày tuy ông và bà T đã ly hôn nhưng về tài sản chung vẫn chưa chia nhưng trong vụ án này ông đồng ý để bà T khởi kiện anh T1 và đồng ý để cho bà T hưởng số tiền này, xét thấy ý kiến của ông N1 là tự nguyện nên cần được ghi nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đòi anh Nguyễn Phương T1 trả số tiền 25.000.000 đồng.

[3] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Phương T1 phải chịu án phí xét xử dân sự sơ thẩm số tiền 1.250.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã tạm ứng án phí số tiền 625.000 đồng tại biên lai số 0006919 ngày 17 tháng 6 năm 2024 sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 92, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280 và 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đòi anh Nguyễn Phương T1 trả tiền lãi bằng tiền lãi vay ngân hàng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị T đòi anh Nguyễn Phương T1 trả số tiền còn thiếu lại là 25.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Phương T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền còn thiếu lại là 25.000.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Phương T1 phải chịu án phí xét xử dân sự sơ thẩm số tiền 1.250.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã tạm ứng án phí số tiền 625.000 đồng tại biên lai số 0006919 ngày 17 tháng 6 năm 2024 sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Quách Thanh T2

